

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đình Cự.

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

**\* Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên  
tòa:** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1981

HKTT: Thôn TS, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã MP, huyện ĐH, TB.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn TS, xã TQ, huyện ĐH, TB.

(*Tại phiên tòa có mặt chị H; Vắng mặt anh Đ*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, Bản tự khai ngày 04/4/2022 và tại phiên tòa chị Trần Thị H nguyên đơn trình bày:**

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với Nguyễn Tiến Đ ngày 11/3/2005 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không tu trí làm ăn, không có sự chia sẻ trong công việc và cuộc sống hàng ngày, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị sống chung cùng bố mẹ chồng nên giữa chị và gia đình nhà chồng không hòa hợp, hay xảy ra va chạm với

bố mẹ chồng, em gái anh Đ. Do nhiều áp lực nên tháng 9/2019 chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ để chị ở thôn S, xã MP sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân anh Đ không hỏi han, quan tâm đến chị và các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ.

\* *Về con chung*: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày 27/7/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

\* *Về tài sản và nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ**: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Tiến Đ không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2022 của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (là mẹ đẻ anh Đ) - Trú tại: Thôn TS, xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB, trình bày như sau: Gia đình đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Đ đi làm ăn tự do gia đình cũng không biết địa chỉ, anh Đ thường xuyên về gia đình và gia đình đã thông báo trực tiếp cho anh Đ biết việc chị H xin ly hôn.

Anh Đ và chị H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã TQ, huyện ĐH, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do làm ăn kinh tế, gia đình đã động viên hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Chị H đã dẫn hai con về quê ngoại ở xã MP sinh sống. Nay chị H xin ly hôn, thông quan gia đình anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày 27/7/2012. Trường hợp ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà cam kết sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà sẽ có trách nhiệm thông báo đầy đủ cho anh Đ biết.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ, thông qua gia đình anh Đ đã biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh Đ vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ.

+ Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày 27/7/2012. Hiện 02 con đang ở với chị H nên cần giao chị H trực tiếp nuôi 02 con chung và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản và nợ: Chị H không yêu giải quyết;

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐH, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 14/6/2022, anh Nguyễn Tiến Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 12/7/2022, anh Đ tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị H kết hôn với Nguyễn Tiến Đ ngày 11/3/2005 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, từ khi sống ly thân anh Đ không quan tâm đến gia đình và các con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ. Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2022, UBND xã TQ xác định giữa chị H, anh Đ kết hôn do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày

27/7/2012, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo quyền lợi hợp pháp cho con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa HĐXX đã phân tích khuyên bảo chị H bỏ qua mâu thuẫn, cho anh Đ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chị H khẳng định giữa chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế, chị H xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nên chị H cương quyết xin được ly hôn với anh Đ.

Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Chị H và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày 27/7/2012. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Nguyên vọng của chị H là chính đáng bởi giữa chị H và anh Đ sống ly thân từ năm 2019, anh Đ không quan tâm chăm sóc đến con chung, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có mặt để trình bày về nguyện vọng của anh. Ngoài ra các con chung đều có đơn xin được ở với chị H, hiện chị H là Hiệu trưởng Trường mầm non xã TQ nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao 02 con chung Nguyễn Đại Q và Nguyễn Trần N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản:** Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**[6] Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Đại Q, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Trần N, sinh ngày 27/7/2012 và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản và nợ:** Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003040 ngày 12/4/2022 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2022). Anh Nguyễn Tiến Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã TQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
Đã ký**

**Hoàng Văn Thành**